Chi tiết mã HS 3901.40.00

Mã HS	3901.40.00
Mô tả hàng hóa	Các polyme từ etylen, dạng nguyên sinh / - Các copolyme etylene-alpha-olefin, có trọng lượng riêng dưới 0,94
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:21:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39014000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5677
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	199/2025/NĐ-CP	2025-07-08	BT2026!N5677
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5677
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, PH)	0% (trừ ID, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5470
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5431
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5431
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5431
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5431
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5431
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5431
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5475
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5475

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5475
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5475
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5475
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5475
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5473
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5473
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5473
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5473
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5473
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5473
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5475
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5437
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5433
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5433
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5433
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5433
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5433
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5433
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5442
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5442
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5442
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5442
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5442
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5442
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5483
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5483
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5483
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5483
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5483
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5484
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5484
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5484
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5484
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5484
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5484
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5487
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5487
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5487
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5487
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5487
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5487
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5456
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5456
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5456
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5456
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5456
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5456
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5458
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5458
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5458
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5458
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5458
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5456
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5456
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5456
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5456
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5456
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5456
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5456
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5477
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5477
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5477
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5477
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5477
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5477
RCEP B	2022	2022	0	B!D5477
RCEP B	2023	2023	0	B!E5477
RCEP B	2024	2024	0	B!F5477
RCEP B	2025	2025	0	B!G5477
RCEP B	2026	2026	0	B!H5477
RCEP B	2027	2027	0	B!I5477
RCEP C	2022	2022	0	C!D5477
RCEP C	2023	2023	0	C!E5477
RCEP C	2024	2024	0	C!F5477
RCEP C	2025	2025	0	C!G5477
RCEP C	2026	2026	0	C!H5477

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5477
RCEP D	2022	2022	0	D!D5477
RCEP D	2023	2023	0	D!E5477
RCEP D	2024	2024	0	D!F5477
RCEP D	2025	2025	0	D!G5477
RCEP D	2026	2026	0	D!H5477
RCEP D	2027	2027	0	D!I5477
RCEP E	2022	2022	0	E!D5480
RCEP E	2023	2023	0	E!E5480
RCEP E	2024	2024	0	E!F5480
RCEP E	2025	2025	0	E!G5480
RCEP E	2026	2026	0	E!H5480
RCEP E	2027	2027	0	E!I5480
RCEP F	2022	2022	0	F!D5477
RCEP F	2023	2023	0	F!E5477
RCEP F	2024	2024	0	F!F5477
RCEP F	2025	2025	0	F!G5477
RCEP F	2026	2026	0	F!H5477
RCEP F	2027	2027	0	F!I5477
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5043
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5043
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5043
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5043

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3901.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 3901.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5677), căn cứ 199/2025/NĐ-CP.		199/2025/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.